

Bản án số: 222/2023/HS-ST

Ngày : 03 – 8 – 2023

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải An

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Tiên Dũng.

- Bà Trần Thị Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Tinh\_ Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 196/2023/HSST ngày 23/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2023/QĐXXST-HS ngày 18/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Ngọc V**; Tên gọi khác: Ú. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 03/9/1983; Tại: Tỉnh Đắk Lắk. Nơi thường trú: 71 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: 117/17 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông: Phan Giàu (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T (đã chết). bị cáo có vợ là Nguyễn Kiều Mộng T1, sinh năm: 1984. bị cáo có 01 con là Phan Ngọc Anh T2, sinh năm: 2008. Hiện trú tại: Thôn I, T, xã H, thành phố B. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 17/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm xử phạt 01 năm 03 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (theo bản án số 21/2013/HSST). Ngày 24/7/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (theo bản án số 242/2013/HSPT). Ngày 26/11/2013 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo đã được xóa án tích. Ngày 18/6/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (theo bản án số 29/2014/HSST). Ngày 28/11/2015 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo Phan Ngọc V đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, từ ngày 11/01/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Vũ Thanh H**; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 07/01/1984; Tại: Tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 03/12. Con ông: Vũ Trọng S; con bà: Lê Thị L. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 09/12/1999, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 2955/QĐUB.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 11/01/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:***

1. Anh Trần Hoàng H1 – sinh năm: 2002 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Hoàng Thế L1 – sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Trú tại: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Đinh Văn V1 - sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Trú tại: Số B V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị Đặng Thị Quỳnh T3 - sinh năm: 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số H Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chị Nguyễn Thị Tuyết D - sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Anh Nguyễn Văn T4 - sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số F Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Ngọc V, sinh năm: 1983, trú tại: 1 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Vũ Thanh H, sinh năm: 1984, trú tại: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là những người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định.

Khoảng 12 giờ ngày 05/01/2023, V điều khiển xe mô tô hiệu Ultimo, màu đen, biển số 47M8-4774 chở Vũ Thanh H đi tìm tài sản của người dân sơ hở để chiếm đoạt. Khi V và H đi đến khu vực đường bờ hồ E, thuộc thôn A, xã E, thành phố B, hướng về Ủy ban nhân dân xã E thì V phát hiện anh Trần Hoàng H1, trú tại: Thôn B, xã H, thành phố B, đang nằm bên đường, trên cổ anh H1 có đeo 01 sợi dây chuyền vàng, có mặt nanh heo bọc vàng, nên rủ H cùng chiếm

đoạt, thì H đồng ý. V và H dừng xe cạnh anh H1, rồi giả vờ là du kích xã E yêu cầu chở anh H1 về trụ sở thì anh H1 van xin. Do thấy có nhiều người dân qua lại trên đường, V và anh H sợ không giám chiếm đoạt sợi dây chuyền nên V và H giả vờ nói chở anh H1 về chỗ làm thì anh Hiệp đồng ý, nhằm mục đích chở anh H1 đến đoạn đường vắng rồi tìm cách chiếm đoạt sợi dây chuyền. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển số 47M8-4774 chở anh H1 ngồi giữa còn V ngồi phía sau và H dùng tay trái kẹp tay của anh H1. Trên đường đi H yêu cầu anh H1 đưa số tiền 40.000 đồng để đổ xăng và sử dụng hết để đổ xăng ở cây xăng dầu thuộc thôn D, xã E, thành phố B. Khi H chở V và anh H1 đến đoạn đường đất thuộc buôn T, xã E, thành phố B, thấy vắng người qua lại nên V ngồi sau dùng tay phải giật đứt sợi dây chuyền của anh H1, thì anh H1 vùng vẫy người qua lại, H quay mặt ra sau thấy Vũ gật đầu nên hiểu ý là đã chiếm đoạt được sợi dây chuyền của anh H1. H đi thêm khoảng 100m thì dừng xe lại rồi nói anh H1 xuống xe. Lúc này, anh H1 đòi lại sợi dây chuyền thì V lấy chiếc kéo lưỡi bằng kim loại trong túi áo khoác màu đen đang mặc trên người ra dọa “Ai lấy dây chuyền của mày, mày cứ ngồi im đó”, làm anh H1 hoảng sợ không giám phản ứng, rồi chở anh H1 đến Cổng chào buôn T, xã E, thành phố B rồi bỏ đi. Sau đó, V và H mang sợi dây chuyền vàng của anh H1 đến tiệm V2, địa chỉ: H Q, phường T, thành phố B, để bán. Do không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên chị Đặng Thị Quỳnh T3 (nhân viên tiệm V2) đã đồng ý mua sợi dây chuyền với số tiền 7.050.000 đồng. Số tiền có được, V và H chia nhau mỗi người 3.500.000 đồng tiêu xài cá nhân, còn 50.000 đồng dùng mua nước uống.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 26/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng S, tuổi vàng 610, chiều dài 51cm, khối lượng 2,27 chỉ, có hình dạng mắt xích, trong đó có 06 mắt nổi được trạm hình rồng, mỗi mắt nổi dài 02cm, trị giá: 7.150.000 đồng.

Ngoài hành vi cướp tài sản của anh Trần Hoàng H1, Phan Ngọc V còn có hành vi trộm cắp tài sản của người dân trên địa bàn huyện C, tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 06/01/2023, Phan Ngọc V điều khiển xe mô tô biển số 47M8-4774 đi từ thành phố B đến huyện C, tỉnh Đắk Lắk, để trộm cắp tài sản. Khi V đi đến trước nhà của anh Hoàng Thế L1, địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, phát hiện cửa mở không có người trông coi nên V dừng xe bên vệ đường đột nhập vào giữa nhà (thuộc phòng khách), trộm cắp 01 giỏ nhựa màu xanh, bên trong có: 01 máy khoan bên tông hiệu MAKITA, màu xanh; 01 máy khoan điện hiệu MAKTEC, màu đỏ; 01 máy mài tay hiệu MAKITA, màu xanh và 01 máy khoan bắn vít (chạy pin) hiệu MAKITA, màu xanh của anh L1, rồi tẩu thoát về thành phố B. V mang các tài sản trộm cắp của anh L1 đến khu vực nghĩa địa đường P, thành phố B, nhờ người phụ nữ tên T5 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mang đi tiêu thụ, thì T5 đồng ý. Sau đó, V điều khiển xe mô tô biển số 47M8-4774 chở T5 và các tài sản của anh L1 đến tiệm Đ, địa chỉ: B V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do ông Đinh Văn V1 làm chủ để T5 đem giỏ xách đựng các máy khoan và máy mài vào

bán cho ông V1. Do không biết đây là tài sản trộm cắp mà có, nên ông V1 đã đồng ý mua với giá 1.900.000 đồng. Số tiền có được, V1 sử dụng mua ma túy và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 13/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 01 giỏ nhựa màu xanh, không có cơ sở định giá; 01 máy khoan bê tông hiệu MAKITA, màu xanh, trị giá: 400.000 đồng; 01 máy khoan điện hiệu MAKTEC, màu đỏ, trị giá: 400.000 đồng; 01 máy mài tay hiệu MAKITA, màu xanh, trị giá: 1.300.000 đồng; 01 máy khoan bắn vít (chạy pin) hiệu MAKITA, màu xanh, trị giá: 400.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 2.500.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 203/CT-VKS ngày 23/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố các bị cáo Phan Ngọc V và Vũ Thanh H về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; Phan Ngọc V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi đã thực hiện đúng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã công bố.

Quá trình tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phan Ngọc V mức án từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Xử phạt Vũ Thanh H mức án từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phan Ngọc V mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phan Ngọc V chấp hành hình phạt chung.

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử :

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả: 01 sợi dây chuyền vàng, loại vàng S, tuổi vàng 610, chiều dài 51cm, khối lượng 2,27 chỉ, có hình dạng mắt xích, trong đó có 06 mắt nối được trạm hình rồng, mỗi mắt nối dài 02cm cho anh Trần Hoàng H1; giao trả 01 máy khoan bê tông hiệu MAKITA màu xanh, 01 máy khoan điện hiệu MAKTEC màu đỏ, 01 máy mài tay hiệu MAKITA màu xanh, 01 máy khoan bắn vít (chạy pin) hiệu MAKITA màu xanh cho anh Hoàng Thế L1; 01 xe mô tô hiệu Ultimo, màu sơn đen, biển số 47M8-4774 cho anh Nguyễn Văn T4.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo dài 20cm, cán bọc nhựa màu đỏ, lưỡi bằng kim loại.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Ngọc V bồi thường cho chị Đặng Thị Quỳnh T3 số tiền 3.525.000 đồng. Buộc bị cáo Vũ Thanh H bồi thường cho chị Đặng Thị Quỳnh T3 số tiền 3.525.000 đồng. Chấp nhận ông Đinh Văn V1 không yêu cầu bị cáo Phan Ngọc V bồi thường số tiền 1.900.000 đồng.

Các bị cáo không bào chữa và tranh luận gì đối với hành vi đã thực hiện, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại về các quyết định và hành vi tố tụng đó. Do vậy, quyết định và hành vi tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Căn cứ vào quá trình tranh tụng tại phiên tòa, lời khai nhận của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/01/2023, tại khu vực Buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Phan Ngọc V và Vũ Thanh H có hành vi sử dụng 01 kéo bằng kim loại đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho anh Trần Hoàng H1 không có khả năng chống cự được để chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng S có trọng lượng 2.27 chỉ có trị giá 7.150.000 đồng và số tiền 40.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 7.190.000 đồng.

Ngoài ra, đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 06/01/2023, tại Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Phan Ngọc V lén lút chiếm đoạt của anh Hoàng Thế L1 01 giỏ nhựa màu xanh, bên trong có: 01 máy khoan bên tông hiệu MAKITA, màu xanh; 01 máy khoan điện hiệu MAKTEC, màu đỏ; 01 máy mài tay hiệu MAKITA, màu xanh và 01 máy khoan bắn vít (chạy pin) hiệu MAKITA, màu xanh có trị giá 2.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Phan Ngọc V là phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Vũ Thanh H là phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

**\* Điều 168 của Bộ luật hình sự quy định:**

*“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

*a)...*

*d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;*

*...”*

**\* Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) ...”.*

[3] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại và gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đều bị trừng trị một cách thích đáng. Xong xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo thì mới phát huy được tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi “Trộm cắp tài sản” bị cáo Phan Ngọc V phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò khác nhau nên cần phân hóa trách nhiệm hình sự để áp dụng mức hình phạt đối với từng bị cáo. Bị cáo Phan Ngọc V là người khởi xướng và thực hiện hành vi tích cực nên hình phạt đối với bị cáo cao hơn bị cáo Vũ Thanh H là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 sợi dây chuyền vàng, loại vàng S, tuổi vàng 610, chiều dài 51cm, khối lượng 2,27 chỉ, có hình dạng mắt xích, trong đó có 06 mắt nối được trạm hình rồng, mỗi mắt nối dài 02cm là tài sản của anh Trần Hoàng H1. Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại sợi dây chuyền cho anh H1 nhận quản lý, sử dụng.

Đối với 01 máy khoan bê tông hiệu MAKITA, màu xanh; 01 máy khoan điện hiệu MAKTEC, màu đỏ; 01 máy mài tay hiệu MAKITA, màu xanh; 01 máy khoan bắn vít (chạy pin) hiệu MAKITA, màu xanh là tài sản của anh Hoàng Thế L1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại các tài sản trên cho anh L1 nhận quản lý, sử dụng.

Đối với xe mô tô hiệu Ultimo, màu sơn đen, biển số 47M8-4774 của anh Nguyễn Văn T4 đứng tên chủ sở hữu. Anh T4 không biết các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã cho anh T4 nhận quản lý, sử dụng.

Xét việc giao trả các tài sản trên là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với chiếc kéo dài 20cm, cán bọc nhựa màu đỏ, lưỡi bằng kim loại màu sáng là công cụ bị cáo Phan Ngọc V sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về phần dân sự của vụ án:

Quá trình điều tra, chị Đặng Thị Quỳnh T3 yêu cầu các bị cáo Phan Ngọc V và Vũ Thanh H phải hoàn trả số tiền 7.050.000 đồng là tiền chị T3 mua 01 sợi dây chuyền vàng từ các bị cáo V và H đã trộm cắp của anh Trần Hoàng H1 vào ngày 05/01/2023. Xét yêu cầu trên là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với ông Đinh Văn V1 nhận mua các tài sản do V1 trộm cắp được, ông V1 không biết đây là các tài sản do phạm tội mà có và không yêu cầu các bị cáo Phan Ngọc V bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án..

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Tuyên bố: Bị cáo Phan Ngọc V phạm tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Vũ Thanh H phạm tội “Cướp tài sản”.

[2] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phan Ngọc V 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phan Ngọc V 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt bị cáo Phan Ngọc V phải chấp hành là 09 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 11/01/2023.

[3] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Vũ Thanh H 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 11/01/2023.

[4] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 584, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả: 01 sợi dây chuyền vàng, loại vàng S, tuổi vàng 610, chiều dài 51cm, khối lượng 2,27 chỉ, có hình dạng mắt xích, trong đó có 06 mắt nối được trạm hình rồng, mỗi mắt nối dài 02cm cho anh Trần Hoàng H1; giao trả 01 máy khoan bê tông hiệu MAKITA màu xanh, 01 máy khoan điện hiệu MAKTEC màu đỏ, 01 máy mài tay hiệu MAKITA màu xanh, 01 máy khoan bắn vít (chạy pin) hiệu MAKITA màu xanh cho anh Hoàng Thế L1; 01 xe mô tô hiệu Ultimo, màu sơn đen, biển số 47M8-4774 cho anh Nguyễn Văn T4.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo dài 20cm, cán bọc nhựa màu đỏ, lưỡi bằng kim loại.

(Vật chứng hiện đang lưu trữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/7/2023 giữa Công an thành phố B với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phan Ngọc V bồi thường cho chị Đặng Thị Quỳnh T3 số tiền 3.525.000 đồng.

Buộc bị cáo Vũ Thanh H bồi thường cho chị Đặng Thị Quỳnh T3 số tiền 3.525.000 đồng.

Chấp nhận ông Đinh Văn V1 không yêu cầu bị cáo Phan Ngọc V bồi thường số tiền 1.900.000 đồng.

\* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phan Ngọc V và Vũ Thanh H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận :**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;VKSND TP . BMT;
- TAND tỉnh Đắk Lắk; Công an TP . BMT;
- CCTHA DSTP.BMT, THA phạt tù;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Chánh án;
- Lưu: HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hải An**